

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2020/HC-PT

Ngày: 11-9-2020

*V/v: “Kiện Quyết định hành chính trong  
lĩnh vực thu hồi, bồi thường, hỗ trợ về  
đất đai”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Tồn**

*Các Thẩm phán:*

Ông **Nguyễn Cường**

Ông **Nguyễn Xuân Điền**

***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Dương Thị Tuyết Trinh** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*** Ông **Nguyễn Xuân Thanh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 165/2020/TLPT-HC ngày 21/4/2020, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường, hỗ trợ về đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 14-01-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1469/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**\* *Người khởi kiện:*** Ông Lê Xuân C - sinh năm 1949; Địa chỉ: Khu phố 1, phường P, Thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

***Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:*** Luật sư Nguyễn Tâm H - VPLS H, Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên; địa chỉ trụ sở: 01/1A đường T1, phường Y, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

**\* *Người bị kiện:***

1. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên;

Địa chỉ trụ sở: 02 đường T2, Thành phố T, tỉnh Phú Yên.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Lê Vi Ph, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố T. Có mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND thành phố T:* Ông Hà Vũ M, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T. Có mặt

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên; Địa chỉ trụ sở: 07 đường Đ, Thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên:* Ông Mai Kim L - Phó Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên. Có mặt

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Phạm Thị P - sinh năm 1953; vắng mặt

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Xuân C (theo Giấy ủy quyền ngày 14/11/2018). Có mặt

2. Bà Lê Thị Bích D - sinh năm 1987; vắng mặt

Cùng địa chỉ cư trú: Khu phố 1, phường P, Thành phố T, tỉnh Phú Yên.

3. Ông Lê Viên Đ1 - sinh năm 1981; có mặt

4. Ông Lê Viên P1 - sinh năm 1984; có mặt

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Xuân C (theo Giấy ủy quyền ngày 08/11/2018 và 12/11/2018). có mặt

5. Bà Lê Thị Bích H1 - sinh năm 1990; vắng mặt

6. Ông Lê Viên Đ2 - sinh năm 1979; vắng mặt

Cùng địa chỉ cư trú: Khu phố 3, phường P, Thành phố T, tỉnh Phú Yên.

7. Bà Lê Thị Bích Nh - sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: Thôn P2, xã H2, huyện T3, tỉnh Phú Yên. vắng mặt

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Lê Xuân C (theo Giấy ủy quyền ngày 12/11/2018). Có mặt

8. Ủy ban nhân dân phường P3, Thành phố T, tỉnh Phú Yên; Địa chỉ: 171 đường N1, phường P3, Thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt

9. Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố T, tỉnh Phú Yên. vắng mặt

10. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt

**\* Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Lê Xuân C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị P.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện ông Lê Xuân C trình bày:*

Gia đình ông C có 08 nhân khẩu gồm: Ông Lê Xuân C, sinh năm 1949; vợ Phạm Thị P, sinh năm 1953; và 06 người con là Lê Thị Bích Nh, sinh năm 1977; Lê Viên Đ2, sinh năm 1979; Lê Viên Đ1, sinh năm 1981; Lê Viên P1, sinh năm 1984; Lê Thị Bích D, sinh năm 1987; Lê Thị Bích H1, sinh năm 1990;

Thực hiện Nghị định 64-CP ngày 27/9/1994 của Chính Phủ về việc cân đối, giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Gia đình ông C được Nhà nước cân đối giao đất sản xuất với diện tích 2.768m<sup>2</sup>, gồm 05 thửa, cụ thể:

Đất xứ đồng TS, 01 thửa, diện tích 1.140m<sup>2</sup> (trồng lúa);

Đất xứ đồng RD, 02 thửa, diện tích 490m<sup>2</sup> (300m<sup>2</sup>+190m<sup>2</sup>) (trồng lúa);

Đất xứ đồng LA, 02 thửa, diện tích 1.138m<sup>2</sup> (760m<sup>2</sup> + 378m<sup>2</sup>) (đất màu).

Gia đình ông có kê khai, sử dụng liên tục nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2009, nhà nước triển khai thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Nam thành phố T thì diện tích đất gia đình ông C bị ảnh hưởng thu hồi, giải phóng mặt bằng với diện tích 1.138m<sup>2</sup>, tuy nhiên UBND thành phố T chỉ công nhận bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông với diện tích 996m<sup>2</sup> (theo quyết định thu hồi đất số 3515/QĐ-UBND ngày 03/9/2009 và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 5438/QĐ-UBND ngày 28/12/2009). Còn diện tích 142m<sup>2</sup> thì cho rằng diện tích đất này do UBND phường P3 quản lý nên không được bồi thường, hỗ trợ, đồng thời tại thời điểm thu hồi, bồi thường thì Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã có hiệu lực thi hành nhưng UBND thành phố T vẫn áp dụng Nghị định 197/2004 đã hết hiệu lực pháp luật để giải quyết bồi thường, hỗ trợ là chưa đúng.

Không đồng ý việc bồi thường, hỗ trợ, ngày 07/01/2010, ông C có đơn khiếu nại nhưng không được giải quyết. Ngày 04/11/2011 và ngày 04/11/2016 ông C tiếp tục có đơn khiếu nại. Ngày 10/7/2017, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2917/QĐ-UBND không công nhận đơn khiếu nại của ông Lê Xuân C. Ông C không đồng ý nên tiếp tục khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh. Trong quá trình Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết khiếu nại lần 2 thì ngày 25/10/2017 Chủ tịch UBND thành phố T ban hành quyết định số 4530/QĐ-UBND thu hồi, hủy bỏ quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 vì cho rằng đơn khiếu nại đề ngày 04/11/2016 hết thời hiệu khiếu nại theo luật khiếu nại đồng thời ban hành quyết định số 4531/QĐ-

UBND ngày 25/10/2017 đình chỉ giải quyết khiếu nại. Do Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2917/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T bị hủy bỏ nên ngày 07/11/2017 Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên ban hành quyết định số 2184/QĐ-UBND đình chỉ giải quyết khiếu nại lần 2.

Không đồng ý kết quả giải quyết nêu trên, ông Lê Xuân C khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy các quyết định hành chính số 3515/QĐ-UBND ngày 03/9/2009 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc thu hồi diện tích 996m<sup>2</sup> của hộ ông Lê Xuân C; Quyết định số 5438/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Nam thành phố T; Quyết định số 2917/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Xuân C; Quyết định số 4530/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc thu hồi hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại số 2917; Quyết định số 4531/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T đình chỉ giải quyết khiếu nại; Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về đình chỉ giải quyết khiếu nại lần 2.

- Buộc UBND thành phố T lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông đối với diện tích 1.138m<sup>2</sup> thực tế bị ảnh hưởng thu hồi để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Nam thành phố T theo quy định của Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

*Người bị kiện UBND thành phố T, Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên trình bày; (Theo Công văn số 3369/UBND ngày 03/10/2018 của UBND thành phố T):*

Ngày 28/12/2009 UBND thành phố T ban hành quyết định 5438/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình đô thị Nam thành phố T là thời điểm Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính Phủ đã có hiệu lực thi hành, có quy định “UBND cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, định kỳ chi trả hỗ trợ phù hợp với thực tế địa phương”. Tuy nhiên, tháng 12/2009 UBND tỉnh Phú Yên chưa có văn bản quy định cụ thể chính sách hỗ trợ khi thu hồi đất; nên UBND thành phố T căn cứ vào quyết định số 2098/2005/QĐ-UBND ngày 15/9/2005 của UBND tỉnh Phú Yên để thi hành. Đến ngày 16/3/2010, UBND tỉnh Phú Yên ban hành quyết định số 417/2010/QĐ-UBND có quy định “*Những phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày quy định này có hiệu lực thì theo nội dung đã phê duyệt*”. Như vậy, việc xác định, tính toán hỗ trợ đối với ông Lê Xuân C phù hợp với quy định của UBND tỉnh Phú Yên tại thời điểm phê duyệt phương án.

Căn cứ vào biên bản họp xét nguồn gốc đất của UBND phường P3 ngày 17/3/2009, biên bản kiểm kê ngày 22/10/2008 của Hội đồng BTHT&TĐC thành phố T, biên bản kiểm kê chi tiết ngày 10/12/2009 của hội đồng BTHT&TĐC

thành phố T thì hộ ông Lê Xuân C bị thu hồi 996m<sup>2</sup> đất, diện tích lúa hoa màu bị ảnh hưởng 1.392,5m<sup>2</sup> (gồm 846,7m<sup>2</sup> thửa 42 và 545,8m<sup>2</sup> thửa 50). Ông Lê Xuân C có đơn xác nhận đất diện tích 996m<sup>2</sup> ngày 01/9/2009 phù hợp với hồ sơ quản lý đất đai của Nhà nước theo Nghị định 64.

Do đó, việc ông Lê Xuân C yêu cầu bồi thường, hỗ trợ diện tích đất bị thu hồi là 1.138m<sup>2</sup> và bồi thường 1.392,5m<sup>2</sup> đất trồng lúa là không đúng quy định pháp luật.

*Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên trình bày* (Theo Công văn số 854/UBND-NC ngày 22/02/2018, UBND tỉnh Phú Yên):

Ngày 25/10/2017, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành quyết định số 4530/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ quyết định số 2917/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Xuân C vì cho rằng đã hết thời hạn khiếu nại theo khoản 6, điều 11 Luật khiếu nại năm 2011. Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên ban hành quyết định 2184/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 không làm chấm dứt quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Xuân C theo khoản 2, Điều 3 Luật tổ tụng hành chính. Do vậy, việc Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xác định Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên là người bị kiện là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- *UBND phường P3 trình bày.* Tại Công văn số 67/UBND ngày 26/3/2018, UBND phường P3 trình bày ý kiến xác định hộ ông Lê Xuân C có 08 nhân khẩu, nhưng được Nhà nước cân đối giao đất theo Nghị định 64 cho 07 nhân khẩu. Tiêu chuẩn được giao là 2.025m<sup>2</sup> đất 02 lúa (7 x 289,3m<sup>2</sup> = 2.025m<sup>2</sup>). Căn cứ vào hồ sơ địa chính, thực tế hộ ông C được cân đối giao gồm các thửa: thửa 13, diện tích 1.191m<sup>2</sup>, loại đất 2 lúa, tờ bản đồ 325B ở xứ đồng TS; thửa số 92, diện tích 379m<sup>2</sup>, thửa số 91, diện tích 317m<sup>2</sup>, loại đất 01 lúa, đều thuộc tờ bản đồ 304C ở xứ đồng LA (được quy đổi thành 498m<sup>2</sup>); diện tích 341m<sup>2</sup> và 190m<sup>2</sup>, tờ bản đồ 328A-11, có 02 thửa, tại xứ đồng Rộc dòng (được quy đổi 354m<sup>2</sup>). Sau khi được quy đổi diện tích hộ ông Lê Xuân C là 1.043m<sup>2</sup> là tăng 18m<sup>2</sup> so với hạn mức, tuy nhiên được Nhà nước công nhận hết theo diện tích đo đạc.

Đến năm 2008, thực hiện dự án khu đô thị Nam thành phố T, UBND phường P3 phối hợp với hội đồng BTTH&TĐC đo đạc và kiểm kê thì hộ ông Lê Xuân C hiện trạng đang sử dụng gồm thửa số 42, diện tích 846m<sup>2</sup> và thửa số 50, diện tích 254,8m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ 27, loại đất lúa nằm trong phần bị thu hồi. Do vậy, UBND phường P3 căn cứ vào hồ sơ giao đất theo Nghị định 64 của ông Lê Xuân C, xét duyệt nguồn gốc đất ông Lê Xuân C thu hồi là 996m<sup>2</sup>, diện tích sử dụng vượt hạn mức do UBND phường quản lý, diện tích lúa bị ảnh hưởng được bồi thường là 1.392.5m<sup>2</sup>. Từ những cơ sở đó, UBND phường P3 cho rằng việc ông Lê Xuân C khởi kiện diện tích thu hồi, bồi thường là không có căn cứ.

- *UBND phường P trình bày:* Tại Công văn số 225/UBND ngày 16/8/2018, UBND phường P trình bày ý kiến xác định hộ ông Lê Xuân C đã

được giao đất theo Nghị định 64/CP, trong đó có diện tích bị thu hồi, đồng thời đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng UBND phường P không lưu giữ giấy chứng nhận và ông C chưa ký nhận sổ theo dõi cấp giấy.

- *Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất:* Trình bày ý kiến theo quan điểm người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố T.

- *Vợ và các con ông Lê Xuân C gồm:* Bà Phạm Thị P, bà Lê Thị Bích D, ông Lê Viên Đ1, ông Lê Viên P1, bà Lê Thị Bích H1, ông Lê Viên Đ2, là Lê Thị Bích Nh trình bày: đều thống nhất theo ý kiến của người khởi kiện.

*Những người làm chứng:* ông Châu H3, ông Phạm Đình Tr2, ông Huỳnh S1, ông Châu Đình Kh là những người sử dụng đất liền kề đất ông Lê Xuân C bị thu hồi đều khẳng định ông C sử dụng đất ổn định từ khi được giao đến khi thu hồi năm 2009.

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 14-01-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:***

Áp dụng điều 30, 32, 116, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 và 358 Luật tổ tụng hành chính; Điểm g khoản 1 Điều 43 Luật đất đai 2003; Khoản 5 Điều 20 và khoản 3 Điều 21 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Khoản 1 Điều 10 Quyết định số 417/2010/QĐ-UBND ngày 16/3/2010 của UBND tỉnh Phú Yên; Điều 2 của Luật người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc hội; Điểm đ, khoản 1 Điều 12 và Khoản 1, Điều 32 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (gồm: Bà Phạm Thị P, bà Lê Thị Bích D, ông Lê Viên Đ1, ông Lê Viên P1, bà Lê Thị Bích H1, ông Lê Viên Đ2 và bà Lê Thị Bích Nh) đối với yêu cầu:

- Hủy các quyết định hành chính số 3515/QĐ-UBND ngày 03/9/2009 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc thu hồi diện tích 996m<sup>2</sup> của hộ ông Lê Xuân C; Quyết định số 5438/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Nam thành phố T; Quyết định số 2917/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Xuân C; Quyết định số 4530/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc thu hồi hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại số 2917; Quyết định số 4531/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T đình chỉ giải quyết khiếu nại; Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về đình chỉ giải quyết khiếu nại lần 2.

- Buộc UBND thành phố T lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông đối với diện tích 1.138m<sup>2</sup> thực tế bị ảnh hưởng thu hồi để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Nam thành phố T theo quy định của Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy

hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/01/2020 người khởi kiện ông Lê Xuân C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, người khởi kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên lời trình bày, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng tố tụng: Thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Kháng cáo của ông Lê Xuân C và bà Phạm Thị P không có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thẩm quyền: Ông Lê Xuân C khiếu kiện đối với các quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường, hỗ trợ về đất đai, quyết định giải quyết khiếu nại do Ủy ban nhân dân thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành nên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 30, Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Xuân C và bà Phạm Thị P:

[2.1] Về nguồn gốc đất và diện tích đất được hỗ trợ, bồi thường:

Các đương sự đều thừa nhận diện tích đất gia đình ông C sử dụng có nguồn gốc được Nhà nước cân đối, giao đất theo Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1994 của Chính Phủ. Căn cứ sổ theo dõi cấp GCNQSDĐ năm 1999 (BL 197) thì hộ ông C được giao diện tích sử dụng 2.718m<sup>2</sup> thuộc các thửa số 13, 91, 92 và 35.

Năm 1997, Nhà nước đo đạc tính toán lại để cân đối giao đất theo Nghị định 64/NĐ-CP thì hộ ông C được cân đối giao 02 thửa: Thửa số 91, diện tích 379m<sup>2</sup> và thửa số 92, diện tích 617 m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 304C.

Năm 2009, khi thực hiện dự án khu đô thị Nam thành phố T, đơn vị tư vấn đo đạc theo hiện trạng sử dụng đất của hộ ông C có tổng diện tích 1.390,5m<sup>2</sup> tại thửa 42, diện tích 846,7m<sup>2</sup> và thửa 50, diện tích 545,8m<sup>2</sup>, loại đất 02 lúa.

Đối chiếu hồ sơ quản lý Nhà nước giữa tài liệu đo đạc năm 2009 và năm 1997 thì thửa đất 42 tương ứng với thửa số 91, diện tích 379m<sup>2</sup> và thửa 78 từ

bản đồ 304C, diện tích 473,8m<sup>2</sup>; thửa 50 tương ứng với thửa 93, diện tích 572,1 m<sup>2</sup> từ bản đồ 304C. Tuy nhiên các thửa 78, 91 và 92 đều là đất công ích do UBND thị xã Phú Lâm quản lý. Căn cứ quy định tại điểm g khoản 1 Điều 43 Luật đất đai năm 2003 quy định “Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn” thì không được bồi thường. Mặt khác, các tài liệu được lập trong quá trình thực hiện quy hoạch khu đô thị mới Nam thành phố T, gồm: Biên bản cuộc họp ngày 17/3/2009 (BL 103), Bảng kê chi tiết giá trị đất đai, nhà cửa ngày 10/12/2009 (BL 68), Biên bản kiểm kê tài sản ngày 22/10/2008 (BL 67), Đơn xin xác nhận QSDĐ ngày 01/9/2008 (BL 66) đều thể hiện diện tích của hộ ông C có đất bị thu hồi là 996m<sup>2</sup>, diện tích lúa hoa màu bị ảnh hưởng là 1.392,5m<sup>2</sup>. Do đó, UBND thành phố T lập phương án bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Lê Xuân C đối với diện tích 996m<sup>2</sup> là có cơ sở.

## [2.2] Về căn cứ pháp lý để bồi thường, hỗ trợ:

Ngày 03/9/2009, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 3515/QĐ-UBND thu hồi 996m<sup>2</sup> diện tích đất của hộ ông Lê Xuân C để thực hiện dự án khu đô thị mới Nam thành phố T.

Ngày 28/12/2009, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 5438/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ căn cứ vào Nghị định 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ trong khi Nghị định 69/NĐ-CP ngày 13/8/2009 đang có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, tại Điều 21, 22 Nghị định 69 quy định: “UBND cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ ... phù hợp với thực tế địa phương” và đến thời điểm cuối tháng 12/2009, UBND tỉnh Phú Yên vẫn chưa có văn bản nào mới quy định cụ thể các khoản hỗ trợ áp dụng trên địa bàn tỉnh để thay thế các văn bản cũ trước đây.

Đến ngày 16/3/2010 UBND tỉnh Phú Yên mới ban hành Quyết định 417/2010/QĐ-UBND quy định tại khoản 1 Điều 10: “*Những phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo nội dung đã phê duyệt...*”. Đồng thời, Quyết định thu hồi diện tích 996m<sup>2</sup> đất của gia đình ông C vào ngày 03/9/2009 là trước thời điểm Nghị định 69/NĐ-CP có hiệu lực. Do đó, UBND thành phố T căn cứ Nghị định 197 và các văn bản hướng dẫn chi tiết để áp dụng các khoản hỗ trợ cho hộ ông Lê Xuân C là phù hợp.

## [2.3] Đối với yêu cầu hủy quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại:

Ngày 25/10/2017, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 4531/QĐ-UBND về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại và Quyết định số 4530/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ QĐ giải quyết khiếu nại số 2917 đối với ông Lê Xuân C nên Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên ban hành quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại số 4531/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 là đúng quy định. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông Canh là có cơ sở, đúng pháp luật.



Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông C và bà P, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí nhưng vợ chồng ông Lê Xuân C và bà Phạm Thị P là người cao tuổi nên được miễn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của ông Lê Xuân C và bà Phạm Thị P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng điều 30, 32, 116, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 và 358 Luật tổ tụng hành chính; Điểm g khoản 1 Điều 43 Luật đất đai 2003; Khoản 5 Điều 20 và khoản 3 Điều 21 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Khoản 1 Điều 10 Quyết định số 417/2010/QĐ-UBND ngày 16/3/2010 của UBND tỉnh Phú Yên; Điều 2 của Luật người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc hội; Điểm đ, khoản 1 Điều 12 và Khoản 1, Điều 32 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

**2.** Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (gồm: Bà Phạm Thị P, bà Lê Thị Bích D, ông Lê Viên Đ1, ông Lê Viên P1, bà Lê Thị Bích H1, ông Lê Viên Đ2 và bà Lê Thị Bích Nh) đối với yêu cầu:

- Hủy các quyết định hành chính số 3515/QĐ-UBND ngày 03/9/2009 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc thu hồi diện tích 996m<sup>2</sup> của hộ ông Lê Xuân C; Quyết định số 5438/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Nam thành phố T; Quyết định số 2917/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Xuân C; Quyết định số 4530/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc thu hồi hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại số 2917; Quyết định số 4531/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T đình chỉ giải quyết khiếu nại; Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về đình chỉ giải quyết khiếu nại lần 2.

- Buộc UBND thành phố T lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông đối với diện tích 1.138m<sup>2</sup> thực tế bị ảnh hưởng thu hồi để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Nam thành phố T theo quy định của Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

**3.** Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Xuân C và bà Phạm Thị P được miễn nộp.

**4.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phạm Tôn**